

Số: 3310/QĐ-UBND

Hưng Yên, ngày 21 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố hạn ngạch giấy phép khai thác thủy sản
tại vùng ven bờ, vùng lộng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Thủy sản ngày 21 tháng 11 năm 2017, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường và số 41/2026/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2026 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản;

Căn cứ Thông tư số 88/2025/TT-BNNMT ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản;

Căn cứ các Quyết định của Sở Nông nghiệp và Môi trường: Số 874/QĐ-SNNMT ngày 28 tháng 7 năm 2026 về việc phê duyệt kết quả thực hiện nhiệm vụ điều tra, đánh giá nguồn lợi và môi trường sống của các loài thủy sản ở vùng ven bờ và vùng lộng, phục vụ công tác bảo vệ nguồn lợi thủy sản và quản lý nghề cá tỉnh Thái Bình; số 1151/QĐ-SNNMT ngày 09 tháng 10 năm 2026 về việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Quyết định số 874/QĐ-SNNMT ngày 28 tháng 7 năm 2026;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 1034/TTr-SNNMT ngày 14 tháng 10 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố hạn ngạch giấy phép khai thác thủy sản tại vùng ven bờ, vùng lộng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên đến năm 2031, với tổng số 607 giấy phép, cụ thể như sau:

1. Hạn ngạch giấy phép khai thác thủy sản tại vùng ven bờ: 326 giấy phép, gồm:
 - Nghề lưới rê: 76 giấy phép;

- Nghề lưới vây: 13 giấy phép;
 - Nghề câu: 04 giấy phép;
 - Nghề khác: 79 giấy phép;
 - Nghề lưới rê kiêm nghề khai thác moi: 68 giấy phép;
 - Nghề khác kiêm nghề khai thác don: 86 giấy phép.
2. Hạn ngạch giấy phép khai thác thủy sản tại vùng lòng: 281 giấy phép, gồm:
- Nghề lưới kéo: 37 giấy phép;
 - Nghề lưới rê: 60 giấy phép;
 - Nghề khác: 08 giấy phép;
 - Nghề lưới rê kiêm nghề khai thác moi: 121 giấy phép;
 - Nghề khác kiêm nghề khai thác moi: 39 giấy phép;
 - Nghề hậu cần đánh bắt nguồn lợi thủy sản: 16 giấy phép.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc cấp giấy phép khai thác thủy sản cho chủ tàu cá theo hạn ngạch được công bố tại Điều 1 Quyết định này và quy định của pháp luật hiện hành.

Việc điều chỉnh cơ cấu nghề khai thác thủy sản trên biển theo hướng chọn lọc, bảo đảm đáp ứng nhu cầu chuyển đổi nghề của ngư dân nhưng không vượt quá tổng số hạn ngạch của tỉnh và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) đã công bố tại Quyết định số 1037/QĐ-BNN-TS ngày 11 tháng 4 năm 2024 về việc công bố, điều chỉnh giao hạn ngạch giấy phép khai thác thủy sản tại vùng khơi cho các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Riêng hạn ngạch giấy phép khai thác thủy sản tại vùng ven bờ; đối với nghề lưới kéo chỉ được phép điều chỉnh giảm; đồng thời, tăng tương ứng hạn ngạch giấy phép khai thác thủy sản đối với các nghề thân thiện với môi trường trong tổng số hạn ngạch đã được công bố.

2. Ủy ban nhân dân xã, phường có trách nhiệm công khai hạn ngạch giấy phép khai thác thủy sản và thông tin có liên quan đến tổ chức, cá nhân trên địa bàn quản lý.

3. Trường hợp tàu cá hoạt động thủy sản vùng ven bờ (tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 6 mét đến dưới 12 mét) đã được cấp giấy phép khai thác thủy sản theo Quyết định số 1909/QĐ-UBND ngày 13 tháng 11 năm 2024, tiếp tục được hoạt

động theo nghề đã cấp trong giấy phép khai thác; đồng thời, không cấp văn bản chấp thuận đóng mới, thuê, mua tàu cá từ địa phương khác về tỉnh Hưng Yên kể từ khi Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1909/QĐ-UBND ngày 13 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình (cũ).

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường; thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. //

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình tỉnh;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh;
- Lưu: VT, KT2^(Phong)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Lại Văn Hoàn